TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 433/2020/DS-PT
Ngày: 29/5/2020
V/v bồi thường thiệt hại về tinh thần, danh dự, nhân phẩm, uy tín

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Giang

Bà Võ Thị Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Hoa Thiên, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Đoàn Bích Trâm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 và 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 648/2019/TLPT - DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc "Bồi thường thiệt hại về tinh thần, danh dự, nhân phẩm, uy tín".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 276/2019/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1928/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 4438/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty M; Địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà E, 26 – 28 đường H, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1987; địa chỉ: Phòng 702, Lầu 7, Tòa nhà K, 67 đường N, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/11/2018).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà G là Luật sư Công ty Luật TNHH Lthuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông C; Địa chỉ: V5.21.05 S, Số 23 đường N, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Bà Tvà ông T; đia chỉ: Tầng 8 Tòa nhà C, 72-74 đường N, Phường S, Quận B - là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền ngày 06/01/2020, ông C ủy quyền cho Công ty Luật G; Công ty Luật G ủy quyền lại cho bà T và ông Đ theo giấy ủy quyền ngày 07/01/2020).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư T là luật sư Công ty Luật G thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người làm chứng: Bà G; địa chỉ: Phòng 25.1 S, Số 23 đường N, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo*: Ông C – Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn, Công ty M có bà T đại diện trình bày: Ngày 01/9/2017, Công ty M (sau đây gọi tắt là M) và ông C (sau đây gọi tắt là ông C) đã ký kết Hợp đồng số 10/2017 có thời hạn 01 năm từ ngày 01/9/2017 đến ngày 31/8/2018 với vị trí Chuyên viên Tư vấn đầu tư Cao cấp (sau đây gọi tắt là Hợp đồng lao động). Đến ngày 08/02/2018, ông C đã nộp đơn xin nghỉ việc và ngày 24/02/2018, M đã gửi thư điện tử cho ông C, đồng ý cho ông C nghỉ việc, và ngày làm việc cuối cùng ở M là ngày 09/3/2018. Trước khi nghỉ việc, vào ngày 08/3/2018, ông C đã thực hiện giao dịch dân sự thông qua hành vi pháp lý đơn phương là cam kết bằng văn bản với M, thể hiện cụ thể qua văn bản Cam kết tuân thủ chính sách trao đổi thông tin với người bên ngoài Công ty/đối tác kinh doanh đối với nhân viên chấm dứt làm việc với Công ty. Văn bản cam kết này của ông C làm phát sinh nghĩa vụ của ông C về việc phải bảo mật thông tin do M cung cấp và quyền được bảo mật tất cả các thông tin của M đối với các thông tin mà M đã cung cấp cho ông C. Cũng trong cùng ngày 08/3/2018, ông C cũng đã thực hiện cam kết bằng văn bản với M về việc Xác nhận trả lại/tiêu hủy thông tin mật áp dụng đối với nhân viên chấm dứt làm việc với Công ty. Tuy nhiên, sau khi ông C nghỉ việc tại M, ông C đã vi phạm các thỏa thuận bảo mật với M, cụ thể như sau:

- Ngày 14/9/2018, Bà G– Giám đốc Nhân Tài và Văn hóa doanh nghiệp của M ("Bà G") đã phát hiện ra *Bản ghi nhớ đầu tư giai đoạn 2 của M về việc đầu tư vào P* ("Bản ghi nhớ đầu tư P") đã bị phát tán bằng tin nhắn của ông L với tên người dùng (ID) là Luan (LU) trên ứng dụng Skype tới nhóm trò chuyện có tên "VIPC-Room tám nhảm". Sau khi phát hiện sự việc trên, vào lúc 22 giờ 11 phút, ngày thứ 7, 15/9/2018, bà G đã ngay lập tức nhắn tin vào nhóm trò chuyện "VIPC-Room tám nhảm" với nội dung yêu cầu các thành viên trong nhóm không được sử dụng và phát tán Bản ghi nhớ đầu tư P.

- Qua tìm hiểu, bà G biết được ông L làm việc C với ông C tại Công ty P. Ngày 17/9/2018, bà G và L – đồng Tổng Giám đốc của M ("Bà L") đã gặp ông C tại văn phòng của M, và tại đây ông C đã thừa nhận việc vẫn còn lưu giữ các tài liệu của M

- Sau đó, vào lúc 08 giờ 12 phút ngày 19/9/2018, địa chỉ thư điện tử của bà G nhận được thư điện tử từ địa chỉ thư điện tử của ông L với nội dung là thư điện tử được chuyển tiếp lại, bao gồm chi tiết cuộc trao đổi của ông C với ông L và một số người khác. Trong sáu (06) tài liệu đính kèm trong đó có một tài liệu được đề tên *"2017-12-28_Phase 2 Memo_P.pdf"* có chứa nội dung của Bản ghi nhớ đầu tư P, với tiêu đề như sau: "Quỹ đầu tư doanh nghiệp M III - Bản ghi nhớ đầu tư giai đoạn 2 - Công ty Cổ phần P"

Từ các sự việc và viện dẫn nêu trên, cho thấy ông C đã có hành vi tiết lộ thông tin và tài liệu không được phép công khai và tiết lộ của M cho bên thứ ba bất kỳ mà không được sự chấp thuận của M, cụ thể là: Không thực hiện việc tiêu hủy/xóa các thư điện tử, tài liệu về thông tin mật của M như ông C đã cam kết, và vẫn lưu trữ và sử dụng, cung cấp thông tin và tài liệu bí mật của M cho bên thứ ba bằng phương thức gửi thư điện tử mà không được sự chấp thuận của M. Để ngăn chặn việc ông C tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm nêu trên, ngày 26/9/2018, M đã gửi Thông báo về vi phạm nghĩa vụ bảo mật của ông C đối với M qua hình thức gửi trực tiếp. Việc ông C có hành vi vi phạm tiết lộ thông tin và tài liệu mật của M đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và tinh thần của M. M là một công ty lớn, có danh tiếng, uy tín và tên tuổi trong lĩnh vực tài chính, nên việc ông C tiết lộ thông tin, tài liệu bảo mật của M đã làm cho các đối tác, khách hàng của M cho rằng hoạt động quản lý nhân viên và quy trình bảo mật của M không tốt gây ra việc rò rỉ thông tin, tài liệu bảo mật ra bên ngoài. Do đó, M khởi kiện ông C để yêu cầu ông C bồi thường các thiệt hại đã gây ra cho M và bù đắp tổn thất về tinh thần do giảm sút về uy tín của M phải gánh chịu trong suốt quãng thời gian vừa qua, với những yêu cầu sau đây:

- Buộc ông C phải chấm dứt ngay hành vi vi phạm tiết lộ thông tin mật của Công ty M.

- Buộc ông C phải có văn bản, thư điện tử xin lỗi và thực hiện xin lỗi trực tiếp tại trụ sở Công ty M trước toàn thể ban lãnh đạo của công ty và nhân viên của công ty, đồng thời gửi thư điện tử xin lỗi đến Công ty Cổ Phần P về việc vi phạm các thỏa thuận bảo mật với M;

- Buộc ông C phải bồi thường toàn bộ các thiệt hại mà Công ty M phải gánh chịu khi đi thuê luật sư để giải quyết hậu quả của hành vi vi phạm mà ông C đã gây ra là 120.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu đồng) và phí dịch vụ cho Văn phòng Thừa phát lại lập Vi bằng các chứng cứ vi phạm là 8.250.000 đồng (Bằng chữ: Tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng);

- Buộc ông C phải thực hiện bù đắp tổn thất về tinh thần cho M đối với hành vi vi phạm các thỏa thuận bảo mật của ông C khi M bị sụt giảm về uy tín và tinh thần là 13.900.000 đồng (Bằng chữ: Mười ba triệu chín trăm ngàn đồng).

- Tổng số tiền mà ông C phải bồi thường và bù đắp cho Công ty M là 142.150.000 đồng. (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Đồng thời, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn vì ông C không chứng minh được hành vi vi phạm của M đã xâm phạm đến danh dự uy tín của ông C là gì.

Tại phiên toà sơ thẩm, Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày: Trước khi nghỉ việc tại M, ông C đã thực hiện giao dịch dân sự thông qua hành vi pháp lý đơn phương là cam kết bằng văn bản với M, thể hiện cụ thể qua văn bản Cam kết tuân thủ chính sách trao đổi thông tin với người bên ngoài Công ty/đối tác kinh doanh đối với nhân viên chấm dứt làm việc với Công ty. Văn bản này của ông C làm phát sinh nghĩa vụ của ông C về việc phải bảo mật thông tin do M cung cấp và quyền được bảo mật tất cả các thông tin của M đối với các thông tin mà M đã cung cấp cho ông C. Cũng trong nội dung cam kết, ông C cũng đã thực hiện cam kết bằng văn bản với M về việc Xác nhận trả lại/tiêu hủy thông tin mật áp dụng đối với nhân viên chấm dứt làm việc với Công ty. Tuy nhiên, sau khi ông C nghỉ việc tại M, ông C đã vi phạm các thỏa thuận bảo mật với M là còn lưu giữ và phát tán thông tin mật của M cho người khác, cụ thể là ông C đã phát tán *Bản ghi nhớ đầu tư giai đoạn 2 của M về việc đầu tư vào P* ("Bản ghi nhớ đầu tư P"). Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án:

1/Buộc ông Cphải chấm dứt ngay hành vi vi phạm tiết lộ thông tin mật của Công ty M; Buộc ông C phải có văn bản, thư điện tử xin lỗi và thực hiện xin lỗi trực tiếp tại trụ sở Công ty M trước toàn thể ban lãnh đạo của công ty và nhân viên của công ty về việc vi phạm các thỏa thuận bảo mật với M; Buộc ông Cphải thực hiện bù đắp tổn thất về tinh thần cho M đối với hành vi vi phạm các thỏa thuận bảo mật của ông Ckhi M bị sụt giảm về uy tín và tinh thần là 14.900.000 đồng (Bằng chữ: Mười bốn triệu chín trăm ngàn đồng).

2/ Rút lại các yêu cầu: Buộc ông C phải bồi thường toàn bộ các thiệt hại mà Công ty M phải gánh chịu khi đi thuê luật sư để giải quyết hậu quả của hành vi vi phạm mà ông Cđã gây ra là 120.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu đồng), chi phí dịch vụ cho Văn phòng Thừa phát lại lập Vi bằng các chứng cứ vi phạm là 8.250.000 đồng (Bằng chữ: Tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) và yêu cầu gửi thư điện tử xin lỗi đến Công ty Cổ Phần P về việc vi phạm các thỏa thuận bảo mật với M.

3/Đồng thời, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn vì ông C khẳng định M đã có hành vi phát tán thông tin ông C vi phạm nghĩa vụ bảo mật nhưng lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh về hành vi phát tán đó là của M.

Bị đơn, ông C có ông S đại diện trình bày: Ngày 01/9/2017, M và ông C đã ký kết Hợp đồng lao động số 10/2017 có thời hạn 01 năm từ ngày 01/9/2017 đến ngày 31/8/2018 với vị trí Chuyên viên Tư vấn Cao cấp. Sau đó, ông C đã nộp đơn xin nghỉ việc và được M đồng ý cho ông C nghỉ việc và ngày làm việc cuối cùng ở M là ngày 09/3/2018. Ngày 08/3/2018, ông đã cam kết và ký văn bản Cam kết tuân thủ chính sách trao đổi thông tin với người bên ngoài công ty/đối tác kinh doanh đối với nhân viên chấm dứt làm việc với công ty. Khoảng

09 giờ 30 phút ngày 17/9/2018, bà G và bà L – đồng Tổng giám đốc M đã gặp ông C tại văn phòng của M và tại cuộc họp này, ông C có thừa nhận là trên outlook ông xóa chưa hết nên còn sót lại một số biểu mẫu (template) của M. Ngay sau đó, ông đã tìm và xóa bỏ toàn bộ tài liệu liên quan tới M.

Như vậy, ông C chỉ có lỗi là chưa xóa hết các biểu mẫu (template) của M trên outlook ông C, nhưng ông C không phải là người phát tán *Bản ghi nhớ đầu tư giai đoạn 2 của M về việc đầu tư vào P* ("Bản ghi nhớ đầu tư P") như nguyên đơn trình bày và trong Hợp đồng lao động số 10/2017, hai bên có thỏa thuận nội dung về bảo mật thông tin tại Điều 4.3, không có thỏa thuận người lao động phải chịu các chi phí kiện tụng như chi phí thuê luật sư, chi phí thu thập chứng cứ,…cũng như cam kết giữa ông C với M là bản Cam kết tuân thủ chính sách trao đổi thông tin với người bên ngoài công ty/đối tác kinh doanh đối với nhân viên chấm dứt làm việc với công ty, ông C cũng không cam kết sẽ chịu các chi phí liên quan tới việc kiện tụng như chi phí thuê luật sư, chi phí thu thập chứng cứ,…Do đó, ông đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì không có cơ sở. Trong lúc Tòa án Nhân dân Quận 7 đang thụ lý giải quyết, thì ngày 22/01/2019, M đã phát tán thông tin về việc ông C vi phạm nghĩa vụ bảo mật cho những người khác. Đặc biệt, trong số đó, có cấp quản lý của ông C đã làm ảnh hưởng tới uy tín, danh dự, cũng như tinh thần làm việc của ông tại nơi làm việc mới. Do đó, ông C yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án : Yêu cầu M chấm dứt hành vi vi phạm; Yêu cầu M có văn bản công khai xin lỗi về hành vi phát tán Thông báo về việc vi phạm nghĩa vụ bảo mật; Yêu cầu M bồi thường thiệt hại cho ông do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại với số tiền bồi thường là 50.000.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện bị đơn trình bày: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì M cho rằng email g@m.com nhận được một email chuyển tiếp từ địa chỉ email l@yahoo.com, email l@yahoo.com lại nhận được email chuyển tiếp từ email l@p.com.vn có nội dung bên dưới là Biên bản ghi nhớ đầu tư P được cho rằng gửi từ email c@p.com.vn và địa chỉ email c@p.com.vn được nguyên đơn mặc định là địa chỉ email của ông C.

Theo trang https://support.office.com/vi-vn/article/t%E1%BA%A1o-tr%E1%BA%A3-l%E1%BB%9Di-ho%E1%BA%B7c-chuy%E1%BB%83n-ti%E1%BA%BFp-th%C6%B0-email-trong-outlook-com-5a240eb5-8840-4146-b5e8b078dce6e5e4?fbclid=IwAR1muKqLA6NsXqjxyBbXKFfZ6XotHb09m76gHF8jqv_OCS403P9Cs5qg98o của nhà phát hành phần mềm Outlook thì các email chuyển tiếp đều có thể sửa chữa được nội dung của email gốc. Như vậy, trước khi tài khoản l@p.com.vn chuyển tiếp nội dung email từ tài khoản c@p.com vào tài khoản l@yahoo.com tài khoản này hoàn toàn có thể sửa đổi nội dung email gốc trước đó, bao gồm địa chỉ email khởi tạo và nội dung được khởi tạo. Tương tự như vậy, trước khi chuyển tiếp nội dung email từ tài khoản l@yahoo.com vào tài khoản g@m.com thì tài khoản l@yahoo.com có thể chỉnh sửa nội dung đã khởi tạo, đính kèm thêm tập tin. Trước đây, khi ông C còn làm việc tại M có nhiều người tiếp cận Biên bản ghi nhớ đầu tư P chứ không chỉ có một mình ông C được tiếp cận tài liệu này. Do đó, việc tài liệu này được tiết lộ

có thể xuất phát từ những nguồn khác. Do đó, để đảm bảo tính nguyên gốc của email, phải lập vi bằng việc truy cập vào tài khoản l@p.com.vn chứ không phải lập vi bằng truy cập vào email g@m.com . Tuy nhiên, trên thực tế các Vi bằng mà nguyên đơn cung cấp trong hồ sơ vụ án được lập bằng cách ghi nhận từ việc mở email g@m.com nên không thể xem đó là chứng cứ chứng minh Biên bản ghi nhớ đầu tư P được gửi từ email c@p.com.vn .

Ông C chỉ thừa nhận ông C đã không xóa hết các biểu mẫu của M trên nền tảng email outlook chứ ông C không đồng ý là đã tiết lộ hay lưu giữ Biên bản ghi nhớ đầu tư P. Vì thực tế, sau khi sự việc xảy ra, ông C kiểm tra lại máy tính cá nhân và email trên outlook ông C không tìm thấy Biên bản ghi nhớ đầu tư P. Do đó, ông C không đồng ý bồi thường thiệt hại về uy tín và tinh thần cho M vì ông C không có tiết lộ Biên bản ghi nhớ đầu tư P. Ông C chỉ đồng ý viết thư điện tử hoặc có văn bản xin lỗi lãnh đạo M về hành vi ông C không xóa hết các biểu mẫu của M trên nền tảng email outlook.

M đã phát tán thông tin về việc ông C vi phạm nghĩa vụ bảo mật cho những người khác trong đó có lãnh đạo quản lý trực tiếp của ông C (mặc dù địa chỉ email gởi đến không phải của M nhưng chỉ có M mới có lý do làm chuyện này) đã làm ảnh hướng tới uy tín, danh dự, cũng như tinh thần làm việc của ông tại nơi làm việc mới. Do đó, ông C đề nghị Tòa án: buộc M chấm dứt hành vi vi phạm; M có văn bản công khai xin lỗi về hành vi phát tán Thông báo về việc vi phạm nghĩa vụ bảo mật; M bồi thường thiệt hại cho ông C do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại với số tiền bồi thường là 50.000.000 đồng.

Người làm chứng, bà Gtrình bày: Bà G là Giám đốc Nhân tài và Văn hóa doanh nghiệp của M. Vào ngày 14/9/2018, bà G đã phát hiện ra *Bản ghi nhớ đầu tư giai đoạn 2 của M về việc đầu tư vào P* ("Bản ghi nhớ đầu tư P") đã bị phát tán bằng tin nhắn của ông L với tên người dùng (ID) là L (LU) trên ứng dụng Skype tới nhóm trò chuyện có tên "VIPC-Room tám nhảm". Sau khi phát hiện sự việc trên, vào lúc 22 giờ 11 phút, ngày thứ 7, 15/9/2018, bà G đã ngay lập tức nhắn tin vào nhóm trò chuyện "VIPC-Room tám nhảm" với nội dung yêu cầu các thành viên trong nhóm không được sử dụng và phát tán Bản ghi nhớ đầu tư P. Sau đó, bà G biết được ông L làm việc C với ông C tại Công ty P. Ngày 17/9/2018, bà G và bà L là đồng Tổng Giám đốc của M đã gặp ông C tại văn phòng của M, và tại đây ông C đã thừa nhận việc vẫn còn lưu giữ các tài liệu của M và ông C cũng đã gởi thư xin lỗi về sự việc trên tới bà G và bà Lê vào ngày 28/9/2018 qua email

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 276/2019/LĐ-ST ngày 14/10/2019 Tòa án nhân dân Quận 7 đã tuyên xử:

- Căn cứ khoản 6 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 34, Điều 38, Điều 584 và Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty M:

1.1. Buộc ông C phải có văn bản, thư điện tử xin lỗi và xin lỗi trực tiếp tại trụ sở Công ty M trước toàn thể ban lãnh đạo và nhân viên của Công ty M về việc vi phạm các thỏa thuận bảo mật với M.

1.2. Buộc ông C phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho Công ty M 14.900.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Đình chỉ các yêu cầu của nguyên đơn Công ty M về việc: Buộc bị đơn ông Cbồi thường 120.000.000 đồng là chi phí thuê luật sư giải quyết vụ án; 8.250.000 đồng là phí dịch vụ cho Văn phòng thừa phát lại lập Vi bằng chứng cứ vi phạm và gửi thư điện tử xin lỗi đến Công ty Cổ Phần P về việc vi phạm các thỏa thuận bảo mật với M.

3/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty M số tiền tạm ứng án phí mà Công ty M đã nộp là 4.153.750 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0026525 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Cphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 745.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 23/10/2019 bị đơn nộp đơn kháng cáo, với nội dung: Bị đơn cho rằng Toà án cấp sơ thẩm đã sai lầm nghiêm trọng trong việc xem xét và đánh giá chứng cứ. Ông chỉ thừa nhận ông C đã không xóa hết các biểu mẫu của M trên nền tảng email outlook chứ ông C không đồng ý là đã tiết lộ hay lưu giữ Biên bản ghi nhớ đầu tư P. Vì thực tế, sau khi sự việc xảy ra, ông C kiểm tra lại máy tính cá nhân và email trên outlook ông C không tìm thấy Biên bản ghi nhớ đầu tư P. Do đó, bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý bồi thường thiệt hại về uy tín và tinh thần cho M, Ông C chỉ đồng ý viết thư điện tử hoặc có văn bản xin lỗi lãnh đạo M về hành vi ông C không xóa hết các biểu mẫu của M trên nền tảng email outlook.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người kháng cáo (bị đơn) và Người kháng cáo có đại diện theo ủy quyền là bà T và ông T trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông C là người phát tán tài liệu có chứa nội dung của Bản ghi nhớ

đầu tư P là không có căn cứ vì tài liệu này bị phát tán bằng tin nhắn của ông L với tên người dùng (ID) là Luan (LU) trên ứng dụng Skype. Ông C vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm là: email chuyển tiếp có thể chỉnh sửa nội dung đã khởi tao, đính kèm thêm tập tin; ông C không có phát tán tài liệu Biên bản ghi nhớ đầu tư P, tài liệu này có thể bị tiết lộ có thể xuất phát từ các nguồn khác; Vi bằng mà nguyên đơn cung cấp trong hồ sơ vụ án được lập bằng cách ghi nhận từ việc mở email g@m.com nên không thể xem đó là chứng cứ chứng minh do tài liệu Biên bản ghi nhớ đầu tư P có thể bị chỉnh sửa, thay đổi, xóa bớt hoặc thêm tập tin khi chuyển tiếp sau khi được gửi từ email C@p.com.vn; các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp không có giá trị pháp lý nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng khi xác định sai đối tượng khởi kiện, không xác định tư cách của ông L trong vụ án, vi phạm trong việc đánh giá thu thập chứng cứ, chưa xem xét tính nguyên vẹn của email gốc có bị sửa đổi hay không, chưa truy cập các email có liên quan trong sự việc tranh chấp để làm rõ. Đây là giao dịch điện tử nên phải tuân thủ các quy định của Điiều 11, 13 Luật giao dịch điện tử, chưa xác định được người khởi tao email; nguyên đơn cung cấp vi bằng chụp màn hình điện thoại thể hiện tin nhắn không có dấu, cấp sơ thẩm chưa xác định email này là của ai nên vi bằng này không có giá trị pháp lý. Quyết định của bản án sơ thẩm không có căn cứ pháp luật khi tuyên ông C phải xin lỗi bằng nhiều hình thức, trong đó có việc ông C phải xin lỗi trước toàn thể nhân viên là không có căn cứ pháp luật và không thể thực hiện được, Tòa án có triệu tập những người này tham gia tố tụng hay không? Nguyên đơn cho rằng trong giai đoạn đầu khi xảy ra sự việc, ông C xin lỗi là do có hành vi vi phạm là không đúng mà cần xem xét việc ông C xin lỗi, thừa nhận vi phạm ở mức độ nào. Ông chỉ thừa nhận ông C đã không xóa hết các biểu mẫu của M trên nền tảng email outlook chứ ông C không đồng ý là đã tiết lộ hay lưu giữ Biên bản ghi nhớ đầu tư P. Vì vậy trong đơn kháng cáo của ông C, ông C kháng cáo yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý bồi thường thiệt hại về uy tín và tinh thần cho M, ông C chỉ đồng ý viết thư điện tử hoặc có văn bản xin lỗi lãnh đạo M về hành vi ông C không xóa hết các biểu mẫu của M trên nền tảng email outlook. Người đại diện và Luật sư bảo vệ quyền lợi của người kháng cáo cho rằng, do được ủy quyền cũng như được mời bảo vệ quyền lợi ích hợp sau khi bị đơn đã nộp đơn kháng cáo nên qua tìm hiểu ý kiến của ông C thì ông C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, hành vi không xóa hết các biểu mẫu của M trên nền tảng email outlook không phải là hành vi tiết lộ bí mật kinh doanh của công ty. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 309 khoản 2 sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định đơn khởi kiện của M là không có cơ sở, bác đơn khởi kiện của M. Người đại diện thừa nhận email C@p.com.vn là email của ông C. Đề nghị xem xét bằng chứng là email cho rằng ông C phát tán thông tin mà nguyên đơn đã cung cấp và bản thông báo mà nguyên đơn đưa ra tại phiên tòa phúc thẩm là không có cơ sở.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn trình bày: Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc sửa

toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận, chỉ giải quyết trong phạm vi kháng cáo, bác toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn. Trong đơn khởi kiện, M xác định ông C có hai hành vi vi phạm là phát tán thông tin và lưu trữ thông tin. Hành vi của ông C đã làm ảnh hưởng đến uy tín của công ty. Khi mới bị phát hiện, ông C có gửi thư xin lỗi một số việc ông C đã làm, tại Tòa sơ thẩm, ban đầu ông C cũng thừa nhận và đề nghị hòa giải. Đơn kháng cáo của ông C cũng thể hiện khi còn làm tại M, ông C có tiếp cận tài liệu là Biên bản ghi nhớ đầu tư P. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 11 của Bộ luật dân sự quy định các phương thức có hình thức xin lỗi, nên M khởi kiện yêu cầu ông C phải xin lỗi. Người đai diện nguyên đơn xác nhận: Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2018 mà nguyên đơn đã nộp tại Tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông C phải gửi thư xin lỗi chính thức trực tiếp và qua thư điện tử đến M. Việc yêu cầu xin lỗi trước toàn thể nhân viên chỉ do nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn không có yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với xin lỗi bằng hình thức này. Nguyên đơn xin rút lại đề nghị yêu cầu ông C xin lỗi trước toàn thể nhân viên M. Nguyên đơn xin rút yêu cầu về việc ông C phải xin lỗi bằng thư điện tử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, sau khi phân tích những tình tiết có liên quan đến vụ án, trên cơ sở Bộ luật lao động, xét thấy cấp sơ thẩm giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật, xét nội dung kháng cáo mà bị đơn trình bày tại phiên tòa vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu theo đơn kháng cáo của bị đơn, đề nghị không chấp nhận phần vượt quá kháng cáo ban đầu của bị đơn. Lý do bị đơn kháng cáo cho rằng email gốc có thể bị sửa chữa, đính kèm file là không có căn cứ. Bản thân bị đơn xác nhận còn lưu giữ tài liệu của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ có trong hồ có vụ án thể hiện có cơ sở xác định bị đơn phát tán thông tin mật của nguyên đơn. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm do nguyên đơn rút một phần yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn nằm trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện là tranh chấp về yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 198 và Điều 202 Luật sở hữu trí tuệ.

Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích cho người kháng cáo (bị đơn) và đại diện theo ủy quyền của bị đơn về việc kháng cáo của bị đơn là kháng cáo với đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, cụ thể đề nghị căn cứ Điều 309 khoản 2 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định đơn khởi kiện của M là không có cơ sở, bác đơn khởi kiện của M, Hội đồng xét xử nhận thấy: So với nội dung kháng cáo được bị đơn trình bày tại đơn kháng cáo ngày 23/10/2019 là "bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý bồi thường thiệt hại về uy tín và tinh thần cho M, Ông C chỉ đồng ý viết thư điện tử hoặc có văn bản xin lỗi lãnh đạo M về hành vi ông C không xóa hết các biểu mẫu của M trên nền tảng email outlook", nội dung kháng cáo được thay đổi bổ sung tại phiên tòa với yêu cầu kháng cáo là "kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của nguyên đơn" là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu; đồng thời bản án sơ thẩm quyết định nhiều vấn đề trong đó có cả yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng nội dung đơn kháng cáo cũng như nội dung trình bày kháng cáo của bị đơn tại phiên tòa chỉ thể hiện kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo được thay đổi, bổ sung tại phiên tòa của bị đơn.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, nhận thấy:

[2.1] Về nguyên nhân của quan hệ pháp luật tranh chấp, các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của các bên đương sự thể hiện:

Vào ngày 01/9/2017, M và ông C đã ký kết với nhau Hợp đồng lao động số 10/2017 có thời hạn 01 năm từ ngày 01/9/2017 đến ngày 31/8/2018 với vị trí Chuyên viên Tư vấn đầu tư Cao cấp, và đã chấm dứt vào ngày 09/3/2018 do ông C xin nghỉ việc. Trước khi nghỉ việc, ông C cũng đã thực hiện việc cam kết các điều khoản về bảo mật thông tin và bàn giao lại các tài liệu liên quan tới M. Cấp sơ thẩm xác định các thoả thuận cam kết khi chấm dứt quan hệ lao động giữa hai bên là căn cứ phát sinh tranh chấp về bảo mật với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại của các đương sự. Ngày 14/9/2018, M phát hiện *Bản ghi nhớ đầu tư P* của M bị phát tán trái phép trên mạng qua các thư điện tử, quá trình tìm hiểu, M phát hiện người phát tán văn bản trên là ông C nên đã mời ông C đến để làm việc về vấn đề trên. Do các bên không thoả thuận giải quyết được tranh chấp nên M đã khởi kiện ông C tại Toà án.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn đối với một phần bản án sơ thẩm đã tuyên với đè nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Cphải có văn bản, thư điện tử xin lỗi và thực hiện xin lỗi trực tiếp tại trụ sở Công ty M trước toàn thể ban lãnh đạo của công ty và nhân viên của công ty về việc vi phạm các thỏa thuận bảo mật với M; Ông C chỉ đồng ý viết thư điện tử hoặc có văn bản xin lỗi lãnh đạo M về hành vi ông C không xóa hết các biểu mẫu của M trên nền tảng email outlook. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Cấp sơ thẩm căn cứ vào:

- Ông C đã xác nhận việc chưa xóa hết biểu mẫu của M.

- *Bản ghi nhớ đầu tư P*, theo như bằng chứng mà nguyên đơn cung cấp, là văn bản xác nhận việc đầu tư của M vào P. Đây là văn bản có chứa đựng các thông tin về mức vốn đầu tư, tỷ lệ sở hữu dự kiến, chiến lược kinh doanh,... của M có được qua quá trình kinh doanh, vốn không phải là hiểu biết thông thường hay dễ dàng có được, và cũng như đã được M bảo mật bằng các Cam kết ràng buộc nhân viên. Do đó, *Bản ghi nhớ đầu tư P* được xác định là bí mật kinh doanh theo Khoản 23 Điều 4, Điều 84 Luật Sở hữu trí tuệ 2009 sửa đổi bổ sung năm 2013, và do M làm chủ sở hữu.

- Lời khai của các bên là thống nhất và phù hợp với nội dung tại Vi bằng số 9952/2018/VB-TPLQ5 ngày 12/11/2018 do Văn phòng Thừa phát lại Quận 5 lập, có cơ sở để xác định việc ông C có giữ lại các tài liệu của M mà không có sự đồng ý của M.

- Tại trang 6 và 7 Vi bằng số 9471/2018/VB-TPLQ5 ngày 23/10/2018 của Văn phòng Thừa phát lại Quận 5 thể hiện vào lúc 11 giờ 17 phút ngày 27/5/2018 từ địa chỉ thư điện tử C@p.com.vn của ông C gởi đến bốn (04) địa chỉ thư điện tử, trong đó có địa chỉ l@p.com.vn có nội dung bên dưới là *"Biên bản ghi nhớ đầu tư P"*. Đồng thời, ông C cũng xác nhận địa chỉ thư điện tử C@p.com.vn là của ông C gởi đến các địa chỉ thư điện tử trên nhưng cho rằng các email chuyển tiếp đều có thể sửa chữa được nội dung của email gốc (nội dung như tài liệu đính kèm). Như vậy, trước khi tài khoản l@p.com.vn chuyển tiếp nội dung email từ tài khoản C@p.com vào tài khoản l@yahoo.com tài khoản này hoàn toàn có thể sửa đổi nội dung email gốc trước đó, bao gồm địa chỉ email khởi tạo và nội dung được khởi tạo. Lập luận này của phía bị đơn là không có cơ sở vì email chuyển tiếp có thể sửa chữa được nội dung của email gốc, nhưng không sửa chữa được bản chụp tài liệu đính kèm email gốc và "Biên bản ghi nhớ đầu tư P" là bản chụp tài liệu đính kèm email gốc.

Cấp sơ thẩm xác định ông C đã phát tán tài liệu được đề tên *"2017-12-28_Phase 2 Memo_P.pdf"* có chứa nội dung của Bản ghi nhớ đầu tư P, với tiêu đề như sau: "Quỹ đầu tư doanh nghiệp M III - Bản ghi nhớ đầu tư giai đoạn 2 - Công ty Cổ phần P" đến người khác là có căn cứ. Việc Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông C phải có xin lỗi Công ty M về việc vi phạm các thỏa thuận bảo mật với M là đúng quy định của pháp luật tại điểm d khoản 1 Điều 198 và Điều 202 Luật sở hữu trí tuệ.

[2.3] Việc ông C cho rằng mình không vi phạm cam kết bảo mật, vì những văn bản mà ông C lưu giữ không phải là tài liệu mật, do không chứa đựng thông tin về tài chính, kinh doanh của M, cũng như ông không thực hiện việc phát tán *Bản ghi nhớ đầu tư P* của M là không có căn cứ. Bởi ông C đã không xóa hết các tài liệu theo đúng Văn bản xác nhận trả lại/tiêu hủy thông tin mật áp dụng đối với nhân viên chấm dứt làm việc với công ty đã vi phạm về thỏa thuận bảo mật với M. Đồng thời xét lý do mà bị đơn cho rằng các email chuyển tiếp đều có thể sửa chữa được nội dung của email gốc, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng đã mở trang web ngay tại phiên toà phúc thẩm đối với trang web có địa chỉ https://support.office.com/vi-vn/article/t%E1%BA%A1o-tr%E1%BA%A3-

l%E1%BB%9Di-ho%E1%BA%B7c-chuy%E1%BB%83n-ti%E1%BA%BFp-th%C6%B0-email-trong-outlook-com-5a240eb5-8840-4146-b5e8b078dce6e5e4?fbclid=IwAR1muKqLA6NsXqjxyBbXKFfZ6XotHb09m76gHF8jqv_OCS403P9Cs5qg98o mà bị đơn đã cung cấp tại cấp sơ thẩm thì địa chỉ này không còn tồn tại. Qua kiểm tra tại trang web của nhà phát hành phần mềm Microsoft về việc tạo, trả lời hoặc chuyển tiếp thư email trong Outlook tại địa chỉ https://support.office.com/vi-vn/article/t%E1%BA%A1o-tr%E1%BA%A3-l%E1%BB%9Di-ho%E1%BA%B7c-chuy%E1%BB%83n-ti%E1%BA%BFp-th%C6%B0-email-trong-outlook-com-5a240eb5-8840-4146-b5e8-b078dce6e5e4 tại phiên tòa ngày 27/5/2020 và trang web do bị đơn cung cấp để chứng minh email gốc có thể bị sửa chữa thay đổi tại phiên tòa ngày 29/5/2020, cả hai đều thể hiện nội dung được ghi nhận tại trang web là *"Khi bạn chuyển tiếp thư, tiền tố CT: sẽ được thêm vào dòng chủ đề để thông báo cho người nhận rằng họ đang nhận thư được chuyển tiếp. Thư gốc sẽ được đưa vào thư được chuyển tiếp, cùng với mọi tệp đính kèm của thư gốc. Bạn có thể chỉnh sửa văn bản của thư được chuyển tiếp hoặc thêm và loại bỏ bất kỳ tệp đính kèm nào trước khi gửi"*, như vậy xác định không có việc nhà phát hành phần mềm outlook ghi nhận việc các email chuyển tiếp đều có thể sửa chữa được nội dung của email gốc. Người chuyển tiếp thư chỉ có thể đính kèm thêm tài liệu, file, viết thêm nội dung (chỉnh sửa văn bản) trên nền email được chuyển tiếp của người chuyển tiếp.

[2.4] Theo Văn bản xác nhận trả lại/tiêu hủy thông tin mật áp dụng đối với nhân viên chấm dứt làm việc với công ty (Confirmation of return/destruction of confidential information for departing employees) (Bút lục số 88,89) có chữ ký xác nhận của ông Cngày 08/3/2018 thì ông Cung xác nhận *"đã tiêu hủy tất cả các bản sao của mọi thông tin mật đã nhận được từ, được tạo bởi, hoặc thuộc về M mà các tài liệu đó được lưu giữ trên các máy tính hoặc trong các phương tiện lưu trữ không thuộc sở hữu của M, bao gồm nhưng không giới hạn đối với: (1) Tập tin điện tử chứa thông tin mật; (2) Thư điện tử của công ty; (3) các tập tin sao chép dự phòng bằng thư điện tử; (4) Bất kỳ tập tin nào nhận được từ máy chủ chứa tập tin đó của M."*, ông C cũng xác nhận rằng ông "không giữ lại bản sao nào của các giấy tờ, tài liệu mật nói trên sau khi nghỉ việc ở M và sẽ không tiết lộ thông tin mật bất kỳ nào như được quy định bởi Bộ quy tắc đạo đức của M.". Trong quá trình giải quyết vụ kiên, ông C xác nhận ông C không xóa hết các biểu mẫu của M trên nền tảng email outlook, việc này thể hiện ông C không trung thực khi cam kết Xác nhận trả lại/tiêu hủy thông tin mật áp dụng đối với nhân viên chấm dứt làm việc với công ty. Ngày 09/3/2018, ông C nghỉ việc tại M, ngày 27/5/2018 từ địa chỉ thư điện tử C@p.com.vn của ông C gửi đến 4 địa chỉ thư điện tử khác, thông tin file về "Quỹ đầu tư doanh nghiệp Mekong III - Bản ghi nhớ đầu tư giai đoạn 2 - Công ty Cổ phần P" được đính kèm theo thư điện tử đã bị tiết lộ ra bên ngoài.

Địa chỉ thư điện tử C@p.com.vn là địa chỉ email có tên miền riêng là tên doanh nghiệp (hay còn gọi là email doanh nghiệp). Email của người sử dụng (user) có tên miền riêng này do doanh nghiệp chấp nhận cung cấp cho người sử

dụng email. Ông C tại thời điểm phát sinh sự việc tiết lộ bí mật kinh doanh của M đang làm việc cho Công ty P. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhân email có địa chỉ thư điện tử C@p.com.vn là của ông C.

Việc ông C kháng cáo với nội dung chỉ đồng ý viết thư điện tử hoặc có văn bản xin lỗi lãnh đạo M về hành vi ông C không xóa hết các biểu mẫu của M trên nền tảng email outlook là không thuyết phục nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu đề nghị kháng cáo của bị đơn.

[2.5] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc "*Yêu cầu ông C phải thực hiện bù đắp tổn thất về tinh thần cho M là 14.900.000 đồng"* Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Cấp sơ thẩm xác định ông C đã vi phạm các thỏa thuận bảo mật với M là còn lưu giữ và phát tán thông tin mật của M cho người khác, cụ thể là ông C đã phát tán *Bản ghi nhớ đầu tư giai đoạn 2 của M về việc đầu tư vào P* ("Bản ghi nhớ đầu tư P") làm thiệt hại cho M nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 38/2019/NĐ-CP, thì từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng; căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 592 Bộ luật dân sự 2015, cấp sơ thẩm xác định mức bồi thường tổn thất về tinh thần là 14.900.000 đồng, không quá 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn.

[2.5] Bị đơn không kháng cáo về việc Cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu của nguyên đơn về việc *"Yêu cầu ông C bồi thường 120.000.000 đồng là chi phí thuê luật sư giải quyết vụ án; 8.250.000 đồng là phí dịch vụ cho Văn phòng thừa phát lại lập Vi bằng chứng cứ vi phạm; và gửi thư điện tử xin lỗi đến Công ty Cổ Phần P về việc vi phạm các thỏa thuận bảo mật với M"* nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[2.6] Bị đơn không kháng cáo về việc Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của phản tố của bị đơn về việc "*Buộc Công ty M chấm dứt hành vi phát tán thông báo về việc ông C vi phạm nghĩa vụ bảo mật và các văn bản khác liên quan đến vụ án; buộc Người đại diện theo pháp luật của Công ty M phải xin lỗi ông C trước tòa và tiến hành cải chính thông tin, xin lỗi công khai bằng cách gửi văn bản với nội dung được bị đơn đồng ý đăng trên ít nhất 03 (ba) tờ báo theo chỉ định của bị đơn; Buộc Công ty M bồi thường một lần cho ông các khoản thiệt hại với tổng số tiền là 50.000.000 đồng."* nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[2.7] Đối với việc cấp sơ thẩm tuyên "Buộc ông C phải có văn bản, thư điện tử xin lỗi và xin lỗi trực tiếp tại trụ sở Công ty M trước toàn thể ban lãnh đạo và nhân viên của Công ty M về việc vi phạm các thỏa thuận bảo mật với M." với ba hình thức xin lỗi nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Tại phiên tòa phúc thẩm: bị đơn cho rằng hình thức "xin lỗi trực tiếp tại trụ sở Công ty M trước toàn thể ban lãnh đạo và nhân viên của Công ty M" được cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải thực hiện là không có căn cứ pháp lý và không

thể thực hiện được; nguyên đơn xác định xin rút lại hình thức "xin lỗi trực tiếp tại trụ sở Công ty M trước toàn thể ban lãnh đạo và nhân viên của Công ty M" và hình thức xin lỗi bằng thư điện tử, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn có văn bản xin lỗi Công ty M là phù hợp. Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút, bổ sung địa chỉ trụ sở nguyên đơn trong bản án phúc thẩm để đảm bảo việc thi hành án được rõ ràng, chính xác là cần thiết.

[2.8] Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sư sơ thẩm: cấp sơ thẩm ghi nhận chưa chính xác về điều luật được áp dụng khi xác định án phí. Cần căn cứ xác định bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu tổn thất về tinh thần của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận (14.900.000 đồng) với mức án phí sơ thẩm là 745.000 đồng theo quy định pháp luật tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và Bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố về yêu cầu đòi bồi thường về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín theo quy định pháp luật tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí lệ phí của Tòa án. Việc điều chỉnh về điều luật được áp dụng khi xét xử phúc thẩm không làm thay đổi nội dung của phần nội dung quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên nên không cần thiết phải sửa án sơ thẩm, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm khi áp dụng các quy định của pháp luật trong các bản án, quyết định của Toà án cho chính xác.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí theo quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của ông C.

- Về nội dung: Sửa một phần bản án sơ thẩm số 276/2019/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh do nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ: khoản 6 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 198 và Điều 202 Luật sở hữu trí tuệ; Điều 34, Điều 38, Điều 584 và Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật giao dịch điện tử; Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty M:

1.1. Buộc ông C phải có văn bản xin lỗi gửi đến trụ sở Công ty M (địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà E, 26 – 28 đường H, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc vi phạm các thỏa thuận bảo mật với M.

1.2. Buộc ông C phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho Công ty M 14.900.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Đình chỉ các yêu cầu của nguyên đơn Công ty M về việc: Buộc bị đơn ông C bồi thường 120.000.000 đồng là chi phí thuê luật sư giải quyết vụ án; 8.250.000 đồng là phí dịch vụ cho Văn phòng thừa phát lại lập Vi bằng chứng cứ vi phạm và gửi thư điện tử xin lỗi đến Công ty Cổ Phần P về việc vi phạm các thỏa thuận bảo mật với M.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải xin lỗi Công ty M bằng hình thức thư điện tử và hình thức xin lỗi trực tiếp tại trụ sở Công ty M trước toàn thể ban lãnh đạo và nhân viên của Công ty M.

3/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "yêu cầu buộc ông Cchấm dứt hành vi vi phạm tiết lộ thông tin mật của nguyên đơn"

4/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty M số tiền tạm ứng án phí mà Công ty M đã nộp là 4.153.750 đồng (bốn triệu. một trăm năm mươi ba ngàn, bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0026525 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Cphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 745.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn – ông C không phải chịu án phí. Hoàn lại cho ông C 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2017/0026525 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận 7;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Tài